

Bản án số: 127/2019/DS-PT
Ngày: 16 – 10 – 2019
V/v tranh chấp về tưới nước,
tiêu nước trong canh tác

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Hùng Nuôi.

Ông Nguyễn Hoàng Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Luân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Nghiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2019/TLPT-DS ngày 31 tháng 7 năm 2019 về việc tranh chấp về tưới nước, tiêu nước trong canh tác.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2019/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 193/2019/QĐ-PT ngày 12 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Thanh V, sinh năm 1952; cư trú tại: Số nhà 58, ấp P, xã M, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Tô Thị N, sinh năm 1939; cư trú tại: Số nhà 161, ấp P, xã M, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Trần Lệ Q, Luật sư của Văn phòng luật sư TQ, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Sóc Trăng; địa chỉ: Số 122, khóm A, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1980 (Có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1975 (Vắng mặt).

Cùng cư trú tại: Số nhà 161, ấp P, xã M, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Người làm chứng:

1. Ông Võ Văn O, sinh năm 1950 (Có mặt).

2. Ông Trần Quang M, sinh năm 1951 (Vắng mặt).

3. Ông Trương Văn H, sinh năm 1962 (Vắng mặt).
 4. Ông Nguyễn Quốc G, sinh năm 1951 (Vắng mặt).
 5. Ông Trương Hoàng U', sinh năm 1955 (Vắng mặt).
- Cùng cư trú tại: Ấp P, xã M, huyện T, tỉnh Sóc Trăng
- *Người kháng cáo:* Bà Tô Thị N là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 7 năm 2016 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Trần Thanh V trình bày:*

Ông V canh tác phần đất ruộng của cha mẹ cho với diện tích 6.900m², đất tọa lạc tại ấp P, xã M, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, ông V canh tác từ trước năm 1975 đến nay, phần đất ông V đang canh tác có con kênh dẫn nước vào làm ruộng, có chiều ngang khoảng 1,2m, chiều dài khoảng 42m. Ngoài ông V sử dụng con kênh này thì còn có những hộ làm ruộng xung quanh sử dụng chung, sau giải phóng năm 1976 ông V cùng một số người dân như ông B, ông C và chồng bà N là ông Nguyễn Văn L nạo vét con kênh này để dẫn nước vào làm ruộng. Ông B và ông L đã chết. Đến năm 2012, bà N cho rằng con kênh này của bà, bà N lấp miệng ống bọng không cho nước vào và không cho ông V sử dụng, nên hai bên xảy ra tranh chấp. Chính quyền địa phương hòa giải nhưng không thành.

Ông V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Tô Thị N phải mở đường kênh dẫn nước cho ông V sử dụng, theo đo đạc thực tế có tứ cận như sau: Hướng đông giáp đất bà Võ Thị D, có số đo 42m (Lộ đal 02m, bờ sông kênh xáng 6,4m). Hướng tây giáp đất bà Tô Thị N, có số đo 42m (Lộ đal 02m, bờ sông kênh xáng 6,4m). Hướng nam giáp Kênh xáng Mỹ Phước, có số đo 1,1m. Hướng bắc giáp đất bà Tô Thị N, có số đo 1,1m.

Diện tích 46,1m² (Trong đó, diện tích tranh chấp là 36,8m²) đường kênh dẫn nước này thuộc thửa số 261, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp P, xã M, huyện T, tỉnh Sóc Trăng do chồng bà N là ông Nguyễn Văn L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hiện nay gia đình bà N gồm bà N; bà T và bà K đang quản lý sử dụng.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 05 tháng 4 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Tô Thị N trình bày:*

Bà N không đồng ý với yêu cầu của ông V. Bà cho rằng đường kênh dẫn nước đang tranh chấp là do vợ chồng bà N tự đào có chiều ngang khoảng 01m, chiều dài hơn 01 công đất, từ Kênh xáng Mỹ Phước đến giáp phần đất ông X (Cha ông V), thuộc quyền sở hữu của bà và chồng bà là ông Nguyễn Văn L (Đã chết năm 1994), chứ không phải đường kênh dẫn nước chung. Đường kênh này thuộc thửa số 261, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp P, xã M, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Mỹ Tú cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (QSDĐ) vào ngày 03/01/1996 do ông Nguyễn Văn L chồng bà N đứng tên. Trong quá trình sử dụng ông V bơm nước ruộng ra, làm ảnh hưởng đến việc chăn nuôi vì ông V sử dụng thuốc trừ

sâu gây thiệt hại cho bà. Hiện nay phần đất tranh chấp (Đường kênh dẫn nước) bà N cùng con gái của bà là Nguyễn Thị T đang trực tiếp quản lý, sử dụng. Còn bà Nguyễn Thị K đã lấy chồng và sinh sống tại Thành phố Hồ Chí Minh cách đây 14 năm, bà K không có sử dụng phần đất này (Đường kênh dẫn nước). Bà không đồng ý cho ông V tiếp tục sử dụng con kênh này nữa, do ông V sử dụng thuốc trừ sâu gây thiệt hại cho gia đình bà.

- *Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị K:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án triệu tập hợp lệ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan 02 lần để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Biên bản không tiến hành hòa giải được và thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ để đưa vụ án ra xét xử.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị K đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

- *Tại phiên tòa sơ thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Đường kênh dẫn nước đang tranh chấp với ông V đã được UBND huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận QSDĐ vào ngày 03/01/1996 do ông Nguyễn Văn L là cha của bà T đứng tên, hiện nay do bà N và bà T đang quản lý, sử dụng. Qua yêu cầu khởi kiện của ông V bà T không đồng ý, lý do ông V sử dụng đường kênh dẫn nước gây thiệt hại cho gia đình bà.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 25 tháng 4 năm 2019 và tại phiên tòa sơ thẩm người làm chứng ông Võ Văn O trình bày:*

Đường mương nước tranh chấp hiện nay giữa ông Trần Thanh V, bà Tô Thị N thì phân nửa mương là của bà Võ Thị D, còn phân nửa mương là của bà Tô Thị N. Đây là đường mương nước mọi người sử dụng chung gồm: Ông Trần Thanh V, ông Trần Văn B (Đã chết) và ông Võ Văn O, từ năm 1971 cho đến khi xảy ra tranh chấp thì bà N đắp ngang không cho thoát nước nữa. Hiện nay ông Trần Thanh V sử dụng nhờ đường nước của ông O để bơm nước lên ruộng, ông V bơm nước lên ruộng bằng ống nước cao su để trên đất nền của ông O. Ngoài đường mương nước của bà Tô Thị N, thì ông V không còn đường nước nào để thoát nước ra hoặc bơm nước lên ruộng.

Sau khi Tòa án nhân dân (TAND) huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm theo bản án số: 22/2017/DS-ST ngày 31/7/2017 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Thanh V.

Ngày 15/8/2017 bị đơn bà Tô Thị N kháng cáo đề nghị giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Ngày 23/11/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm bản án số: 171/2017/DS-PT, Quyết định: Hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2017/DS-ST ngày 31/7/2017 của TAND huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng và chuyển hồ sơ vụ án về cho TAND huyện Mỹ Tú thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung.

Sự việc đã được TAND huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết tại bản án sơ thẩm số: 08/2019/DS-ST ngày 27/6/2019 đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 158; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 253 Bộ luật Dân sự. Căn cứ Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Căn cứ khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Thanh V, về việc yêu cầu một lối dẫn nước phục vụ cho việc tưới, tiêu. Buộc bà Tô Thị N; bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị K để cho ông Trần Thanh V một lối dẫn nước phục vụ cho việc tưới, tiêu, thuộc thửa số 261, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp P, xã M, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Mỹ Tú cấp ngày 03/01/1996 cho hộ ông Nguyễn Văn L (Chồng bà N). Do bà Tô Thị N; bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị K đang quản lý, có tứ cận như sau: Hướng đông giáp đất bà Võ Thị D, có số đo 42m (Lộ đāl 02m, bờ sông Kênh xáng 6,4m). Hướng tây giáp đất bà Tô Thị N, có số đo 42m (lộ đāl 02m, bờ sông Kênh xáng 6,4m). Hướng nam giáp Kênh xáng Mỹ Phước, có số đo 1,1m. Hướng bắc giáp đất bà Tô Thị N, có số đo 1,1m. Diện tích là 36,8m² (Ba mươi sáu phẩy tám mét vuông).

- Bà Tô Thị N, bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị K không được lấp miệng ống bọng, không được gây khó khăn cho ông Trần Thanh V trong việc dẫn nước tưới, tiêu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/7/2019, bị đơn bà Tô Thị N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2019/DS-ST ngày 27/6/2019 của TAND huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Yêu cầu TAND tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Thanh V. Bởi vì, theo văn bản trả lời của UBND huyện Mỹ Tú thì đường kênh tranh chấp không phải là kênh công cộng mà thuộc thửa 261, tờ bản đồ số 08 do chồng bà đứng tên giấy chứng nhận QSDĐ; trong quá trình canh tác lúa ông V có thuốc ốc, sử dụng thuốc trừ sâu rồi thải ra đường nước của gia đình bà gây ô nhiễm; thực tế đường nước tranh chấp không phải là đường nước duy nhất ông V sử dụng để lấy nước, thoát nước; giữa đất gia đình bà và đất ông V không liền nhau nên đường dẫn nước, thoát nước này là không thích hợp, gây cản trở, khó khăn cho gia đình bà trong canh tác; phần đất tranh chấp được UBND huyện Mỹ Tú cấp cho hộ ông Nguyễn Văn L, ông L đã chết nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa các con của ông L vào tham gia tố tụng là ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của gia đình bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Trần Thanh V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và cho rằng ông sử dụng phần đất thửa 257, tờ bản đồ số 08, ông cùng các anh em trong đó có ông Nguyễn Văn L (Chồng bà N) cùng nạo vét kênh này và sử dụng từ đó cho đến khi tranh chấp; bị đơn bà Tô Thị N không rút đơn kháng cáo và cho rằng ông V đã có đường nước khác để sử dụng, việc bà không cho ông V sử dụng đường nước không làm ảnh hưởng đến canh tác lúa của ông V và yêu cầu xem xét miễn toàn bộ án phí sơ thẩm, phúc thẩm cho bà vì bà là người cao tuổi; các đương sự

không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng đường nước thuộc thửa 261 là của gia đình bà N, ông Nguyễn Văn L (Chồng bà N) được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ vào năm 1996; tại Công văn số 349, ngày 21/6/2017 của UBND huyện Mỹ Tú xác định không phải là kênh công cộng mà nằm trong thửa 261 của ông L; ngoài ra, ông V canh tác có sử dụng thuốc ốc, thuốc trừ sâu thải ra làm ảnh hưởng chăn nuôi, trồng trọt của gia đình bà N; hơn nữa đất bà N và đất ông V không liền kề nhau, phải qua hai thửa đất khác mới tới đất ông V, nên đề nghị xem xét đường nước này có thuận tiện cho ông V hay không; hiện nay ông V cho ông Võ Văn P thuê, ông P sử dụng đường nước của ông O, nên không ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của ông V. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận toàn bộ đơn kháng cáo của bà N và sửa án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của ông V. Đồng thời, đề nghị xem xét miễn án phí sơ thẩm và phúc thẩm cho bà N, vì bà N là người cao tuổi.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng là trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm thì HĐXX, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng. Về nội dung vụ án, đề nghị HĐXX không chấp nhận toàn bộ đơn kháng cáo của bà Tô Thị N và căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa bản án dân sự sơ thẩm của TAND huyện Mỹ Tú theo hướng miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, HĐXX nhận định:

[1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị K vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do và những người làm chứng ông Trần Quang M, ông Trương Văn H, ông Nguyễn Quốc G, ông Trương Hoàng U vắng mặt nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt, nên HĐXX căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về người kháng cáo, nội dung, hình thức đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo của bị đơn bà Tô Thị N là đúng quy định tại Điều 271, Điều 272 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ, được Tòa án chấp nhận và tiến hành xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Về nguồn gốc phần đất thửa 261, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại ấp P, xã M, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Mỹ Tú cấp cho hộ ông Nguyễn Văn L (Chồng bà N) đứng tên; phần đất tranh chấp đã được hòa giải theo đúng quy định tại Điều 202 Luật Đất đai năm 2013, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013.

[4] Xét đơn kháng cáo của bà Tô Thị N về việc yêu cầu TAND tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Thanh V. Bởi vì, theo văn bản trả lời của UBND huyện Mỹ Tú thì đường kênh tranh chấp không phải là kênh công cộng mà thuộc thửa 261, tờ bản đồ số 08 do chồng bà đứng tên giấy chứng nhận QSDĐ; trong quá trình

canh tác lúa ông V có thuốc ốc, sử dụng thuốc trừ sâu rồi thải ra đường nước của gia đình bà gây ô nhiễm; thực tế đường nước tranh chấp không phải là đường nước duy nhất ông V sử dụng để lấy nước, thoát nước; giữa đất gia đình bà và đất ông V không liền nhau nên đường dẫn nước, thoát nước này là không thích hợp, gây cản trở, khó khăn cho gia đình bà trong canh tác; phần đất tranh chấp được UBND huyện Mỹ Tú cấp cho hộ ông Nguyễn Văn L, ông L đã chết nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa các con của ông L vào tham gia tố tụng là ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của gia đình bà.

[5] Việc bà N cho rằng, theo văn bản trả lời của UBND huyện Mỹ Tú thì đường kênh tranh chấp không phải là kênh công cộng mà thuộc thửa 261, tờ bản đồ số 08 do chồng bà đứng tên giấy chứng nhận QSDĐ. Xét thấy, theo Công văn số 349/UBND-HC, ngày 21/6/2017 của UBND huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng (Bút lục số 77) xác định đường kênh các đương sự đang tranh chấp không thuộc đường kênh công cộng mà thuộc thửa 261, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại ấp P, xã M, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Theo Giấy chứng nhận QSDĐ do UBND huyện Mỹ Tú cấp ngày 03/01/1996 cho hộ ông Nguyễn Văn L (Chồng bà N) đứng tên. Do đó, việc bà N cho rằng đường kênh dẫn nước đang tranh chấp thuộc quyền sử dụng của vợ chồng bà là có căn cứ; còn ông V cho rằng đường kênh dẫn nước đang tranh chấp là đường kênh công cộng là không có căn cứ.

[6] Việc bà N cho rằng, trong quá trình canh tác lúa ông V có thuốc ốc, sử dụng thuốc trừ sâu rồi thải ra đường nước của gia đình bà gây ô nhiễm. Xét thấy, trên cơ sở kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ đối với phần đất tranh chấp thì lối dẫn nước đang tranh chấp sẽ thải nước ra kênh sáng Mỹ Phước, mặc dù theo những người làm chứng do phía bà N cung cấp gồm: Ông Nguyễn Quốc G, ông Trương Hoàng U xác định việc mở đường nước cho ông V thì có thể ảnh hưởng đến chăn nuôi, trồng trọt của bà N từ việc sử dụng thuốc diệt cỏ, thuốc trừ sâu thải ra kênh; nhưng dọc theo kênh này còn có rất nhiều hộ khác cùng làm ruộng và thải nước ra kênh, nên không có cơ sở xác định trong quá trình canh tác lúa ông V có thuốc ốc, sử dụng thuốc trừ sâu rồi thải ra đường nước của gia đình bà N gây ô nhiễm. Tuy nhiên, trong quá trình sử dụng lối dẫn nước, thoát nước mà ông V có gây thiệt hại cho gia đình bà N thì bà N có quyền khởi kiện ông V thành vụ kiện khác về bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

[7] Việc bà N cho rằng, thực tế lối dẫn nước tranh chấp không phải là lối duy nhất ông V sử dụng để lấy nước, thoát nước; giữa đất gia đình bà và đất ông V không liền nhau nên lối dẫn nước, thoát nước này là không thích hợp, gây cản trở, khó khăn cho gia đình bà trong canh tác. Xét thấy, lối dẫn nước, thoát nước đang tranh chấp còn phải qua hai thửa đất số 259 và 260 thì mới tới phần đất của ông V đang canh tác thuộc thửa 257 (Thể hiện tại bút lục số 136). Mặc dù, được những người làm chứng do bà N cung cấp gồm: Ông Trần Quang M, ông Trương Văn H, ông Nguyễn Quốc G, ông Trương Hoàng U xác định đất ông V hiện nay cho ông Võ Văn P thuê, ông P có ống dẫn nước riêng, việc bà N chắn ngang đường nước không gây ảnh hưởng gì đến việc canh tác đất của ông V. Bên cạnh đó, những người làm chứng do ông V cung cấp gồm: Ông Võ Văn O, bà Võ Thị D, bà Thái Thị Đ, ông Võ Văn U xác định ngoài lối dẫn nước, thoát nước qua đất của bà N thì ông V không còn lối nào khác để dẫn nước vào ruộng và thoát nước ra sông; từ khi tranh chấp thì ông V có nhờ đường ống dẫn nước của ông Võ Văn O để dẫn nước lên ruộng, đường ống dẫn nước bằng

cao su đặt trên mặt đất chứ không có lối dẫn nước và thoát nước. Do vậy, việc ông V có nhờ đường ống dẫn nước của ông O để dẫn nước lên ruộng là không thích hợp, không thuận tiện cho việc tưới, tiêu; vì khi không có đường thoát nước sẽ gây khó khăn trong quá trình canh tác. Mặt dù, bà N cho rằng giữa đất gia đình bà và đất ông V không liền nhau, nhưng lối dẫn nước, thoát nước đang tranh chấp là lối dẫn nước, thoát nước đã tồn tại từ rất lâu, do ông V cùng với ông Trần Văn B, ông Võ Văn O và ông Nguyễn Văn L (Chồng bà N) nạo vét và sử dụng từ năm 1976 cho đến khi tranh chấp; nên ông V yêu cầu mở lại lối dẫn nước, thoát nước cũ là hợp lý. Vì vậy, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông V là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 253 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[8] Việc bà N cho rằng, phần đất tranh chấp được UBND huyện Mỹ Tú cấp cho hộ ông Nguyễn Văn L, ông L đã chết nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa các con của ông L vào tham gia tố tụng là ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của gia đình bà. Xét thấy, sau khi kháng cáo Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng có tiến hành lấy khai bà N, bà N cho rằng phần đất thửa 261 hiện nay chỉ có bà và con gái bà tên Tiên sử dụng, bà không yêu cầu đưa các con khác đã thành niên vào tham gia tố tụng. Việc mở lại lối dẫn nước, thoát nước cũ không làm ảnh hưởng lớn đến quyền lợi của những người con khác của bà N, nên không cần thiết đưa những người con khác của bà N vào tham gia tố tụng.

[9] Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Tô Thị N là không có căn cứ, nên HĐXX không chấp nhận.

[10] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà N yêu cầu xem xét miễn toàn bộ án phí sơ thẩm và phúc thẩm cho bà, vì bà là người cao tuổi. Xét thấy, bà N sinh năm 1939 đến nay bà N đã tròn 80 tuổi, nên thuộc đối tượng được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ14, nên yêu cầu này của bà N được HĐXX chấp nhận. Do đó, HĐXX sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà N.

[11] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của bà N và bác yêu cầu khởi kiện của ông V là không có căn cứ như vừa nhận định ở phần trên, nên không được HĐXX chấp nhận.

[12] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án dân sự sơ thẩm bị sửa không liên quan đến nội dung kháng cáo của bà Tô Thị N, nên bà N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ14. Tuy nhiên, bà N là người cao tuổi nên được miễn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ14.

[13] Đối với lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm về việc đề nghị HĐXX không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà Tô Thị N và đề nghị căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà N là có căn cứ, nên được HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 6 Điều 313, khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVHQ14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn bà Tô Thị N.

2. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2019/DS-ST ngày 27/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, như sau:

- *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Thanh V, về việc yêu cầu một lối dẫn nước phục vụ cho việc tưới, tiêu. Buộc bà Tô Thị N; bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị K để cho ông Trần Thanh V một lối dẫn nước phục vụ cho việc tưới, tiêu, thuộc thửa số 261, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp P, xã M, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Tú cấp ngày 03/01/1996 cho hộ ông Nguyễn Văn L (Chồng bà N); do bà Tô Thị N, bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị K đang quản lý, có tứ cận như sau: Hướng đông giáp đất bà Võ Thị D, có số đo 42m (Lộ đal 02m, bờ sông Kênh xáng 6,4m). Hướng tây giáp đất bà Tô Thị N, có số đo 42m (Lộ đal 02m, bờ sông Kênh xáng 6,4m). Hướng nam giáp Kênh xáng Mỹ Phước, có số đo 1,1m. Hướng bắc giáp đất bà Tô Thị N, có số đo 1,1m. Diện tích là 36,8m² (Ba mươi sáu phẩy tám mét vuông) - Đính kèm sơ đồ phân đất tranh chấp (Bút lục số 254).*

- *Bà Tô Thị N, bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị K không được lấp miệng ống bọng, không được gây khó khăn cho ông Trần Thanh V trong việc dẫn nước tưới, tiêu.*

- *Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Tô Thị N được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.*

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Tô Thị N được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Tô Thị N số tiền đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009155 ngày 09/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

4. Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm (Tại mục 3 trong phần Quyết định) không có kháng cáo, kháng nghị, không ghi trong phần quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (*Được sửa đổi, bổ sung năm 2014*), thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Toàn

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Hùng Nuôi

Nguyễn Hoàng Thành

Nguyễn Văn Toàn